

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2026.

V/v “Tranh chấp về ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Ngọc Lượng

2. Ông Vũ Thành Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2026/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp về ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5- Phú Thọ, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1993

Địa chỉ: Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lưu Quốc H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu C, xã Đ, tỉnh Phú Thọ

(Chị D và anh H đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Quốc H kết hôn tự nguyện và đăng ký tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa. Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2011 do UBND xã H, cấp ngày 08/9/2011.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng liên tục nảy sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Từ năm 2014, vợ chồng anh chị sống ly thân. Chị và hai con đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở Thanh Hóa để sinh sống. Chồng chị ở Phú Thọ có hạnh phúc mới và có con riêng. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung, là cháu Lưu Thị Hồng N, sinh năm 2011 và cháu Lưu Thanh N1, sinh năm 2014. Hiện nay, cháu N và cháu N1 đang ở cùng chị tại Thanh Hóa, cháu N và cháu N1 đang là học sinh Trường

Trung học cơ sở Y của tỉnh Thanh Hóa. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lưu Quốc H trình bày: Anh có quan điểm trình bày về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và anh chị sống ly thân như chị D trình bày là đúng. Nay chị D xin ly hôn anh nhất trí thuận tình ly hôn chị D.

- Về con chung: Anh xác nhận có 02 con chung, là cháu Lưu Thị Hồng N, sinh năm 2011 và cháu Lưu Thanh N1, sinh năm 2014. Hiện nay cháu N và cháu N1 đang ở cùng chị tại Thanh Hóa. Khi ly hôn anh mong muốn được nuôi cháu Lưu Thanh N1 còn chị D được nuôi cháu Lưu Thị Hồng N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Trong đơn xin xét xử vắng mặt: Nguyên đơn chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đề nghị được nuôi con chung là cháu Lưu Thị Hồng N và cháu Lưu Thanh N1, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh H có đơn xin giải quyết vắng mặt, giữ nguyên quan điểm mong muốn được nuôi cháu Lưu Thanh N1 còn chị D được nuôi cháu Lưu Thị Hồng N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của ; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D; Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Lưu Quốc H. Về con chung: Giao 02 con chung cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được; Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị D tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại khu C, xã Đ, tỉnh Phú Thọ nên Tòa

án nhân dân khu vực 5 Phú Thọ thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị **D** và anh **H** đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **D** và anh **H** là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị D** và anh **Lưu Quốc H** đều trình bày anh chị kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2011 tại **UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**. Lời khai này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11/2011 do **UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa** cấp ngày 08/9/2011 (nay là **UBND xã H, tỉnh Thanh Hóa**) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị **D** và anh **H** đều trình bày hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm về lối sống, anh chị sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay và không còn quan tâm đến nhau về mặt tình cảm. Chị **D** và anh **H** nhất trí thuận tình ly hôn.

Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương tại **xã Đ, tỉnh Phú Thọ** được cung cấp: Vợ chồng anh chị **Duyên Huy** quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, anh chị sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn **UBND xã** không nắm rõ. Trường hợp anh chị **Ly hôn** đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị **D** và anh **H** là trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **D** xin ly hôn anh **H** là có căn cứ. Cần ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

- Về con chung: Anh **H** và chị **D** đều xác nhận có 02 con chung, là cháu **Lưu Thị Hồng N**, sinh năm 2011 và cháu **Lưu Thanh N1**, sinh năm 2014. Hiện nay cháu **N** và cháu **N1** đang ở cùng chị **D** tại Thanh Hóa, cháu **N** và cháu **N1** đang là học sinh **Trường Trung học cơ sở Y của tỉnh Thanh Hóa**. Chị **D** có quan điểm khi ly hôn chị đề nghị được nuôi 02 con chung không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Còn anh **H**, anh mong muốn được nuôi cháu **Lưu Thanh N1** còn chị **D** được nuôi cháu **Lưu Thị Hồng N**, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ai.

Xét thấy, hiện nay cháu **Lưu Thị Hồng N**, sinh năm 2011 và cháu **Lưu Thanh N1**, sinh năm 2014 đang chung sống với chị **D**, mọi sinh hoạt cũng như việc học hành của con chung đều do chị **D** chăm lo. Tại Đơn xin xác nhận, **Trường THCS Y** nơi hai cháu học tập đều cho thấy các cháu học tập ổn định, luôn vui vẻ, hòa đồng với bạn bè, tham gia tích cực các hoạt động do giáo viên, nhà trường tổ chức, thành tích học tập tốt. Chị **D** là người đưa đón và đóng mọi khoản chi phí của hai cháu tại trường.

Tòa án yêu cầu chị **D** và anh **H** cung cấp thu nhập và chỗ ở hợp pháp để chứng minh điều kiện nuôi con. Chị **D** đã cung cấp cho Tòa án chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ chị là ông **Nguyễn Văn L** và bà **Đoàn Thị N2** tại **xã H, tỉnh Thanh Hóa** và

chị là lao động tự do thu nhập bình quân của chị **D** là 8.000.000 đồng. Anh **H** cung cấp cho Tòa án tài liệu thể hiện anh có thu nhập nhưng không thể hiện cụ thể bằng lương hàng tháng, anh cung cấp thu nhập hàng tháng của anh khoảng 15.000.000đ. Lắng lời khai của bà **Nguyễn Thị K** là mẹ đẻ anh **H** cung cấp anh **H** ở cùng với bà tại **xã Đ, tỉnh Phú Thọ**, công việc của anh **H** làm **S** ở thành phố Hà Nội nên anh chỉ có thể về nhà vào cuối tuần và các ngày lễ tết. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, anh **H** không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung như chị **D**. Hơn nữa, tại bản tự khai của cháu **N** và cháu **N1** đều thể hiện quan điểm các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn để đảm bảo việc học hành.

Từ những nhận định trên, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho con chưa thành niên phát triển toàn diện cần giao hai con chung cho chị **D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động tự túc được là phù hợp, anh **H** được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Anh **H** có quyền thay đổi nuôi con chung sau ly hôn. Do chị **D** tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **D** là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Do chị **D** và anh **H** không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Chị **D** tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí liên quan đến việc giải quyết quan hệ hôn nhân nên cần chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 Phú Thọ là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của ; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết 01/2025/HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị D**.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị D** và anh **Lưu Quốc H**.

- Về con chung: Giao cho chị **Nguyễn Thị D** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu **Lưu Thị Hồng N**, sinh ngày 13/12/2011 và cháu **Lưu Thanh N1**, sinh ngày 25/02/2014 cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị **D** tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị D** tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003172 ngày 13/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Hoàn trả cho chị Duyên số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 5 -Phú Thọ;
- THADN tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 5 -Phú Thọ;
- UBND xã Đan Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Phú

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Nguyễn Thanh Tùng', written over two horizontal lines.

Nguyễn Thanh Tùng

1

